

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính mới; 49 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 20 thủ tục hành chính bị bãi bỏ và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư; 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2021/NĐ-CP ngày 23/4/2021 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2021/NĐ-CP ngày 23/4/2021 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 75/TTr-SKHĐT ngày 28/7/2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này:

1. Công bố Danh mục gồm 02 thủ tục hành chính mới; 49 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 20 thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư và 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố theo Quyết định số 885/QĐ-BKHĐT ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ, thay thế, hủy công khai trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Phụ lục I kèm theo).

2. Phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết đối với 02 thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Khoản 1 Điều này (*Phụ lục II kèm theo*).

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện công khai thủ tục hành chính và quy trình nội bộ được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *[Chữ ký]*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục KSTTHC - Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Thông tin và Truyền thông (Phòng CNTT);
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Bưu điện tỉnh;
- Lưu: VT, KTTH, HCQT, NC.

CHỦ TỊCH



[Chữ ký]
Võ Ngọc Thành



PHỤ LỤC I

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP, HỘ KINH DOANH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ, UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 715 /QĐ-UBND ngày 10 tháng 08 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cơ quan thực hiện	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP;
02	Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định thể doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư	Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdoanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC) - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
TTHC đã được công bố tại các Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 13/11/2018, Quyết định số 954/QĐ-UBND ngày 02/10/2019 và Quyết định số 1022/QĐ-UBND ngày 30/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh						
01	2.001610.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử, đăng ký thành lập trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
02	2.001583.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên				
03	2.001199.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên				
04	2.002043.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty cổ phần				
05	2.002042.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty hợp danh				
06	2.002041.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				
07	1.005169.00 0.00.00.H21	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				

08	2.002011.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
09	2.002010.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần				
10	2.002009.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				
11	2.002008.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên				
12	1.005114.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên				
13	2.002000.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết				
14	2.001996.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				
15	2.001993.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân				
16	2.002044.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần chưa niêm yết				

17	2.001992.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
18	2.001954.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế (trừ thay đổi phương pháp tính thuế)			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC)	
19	2.002069.00 0.00.00.H21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)				
20	2.002070.00 0.00.00.H21	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)		Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai.	Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	

21	2.002031.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong trường hợp chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
22	2.002075.00 0.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh thay thế nội dung đăng ký hoạt động trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	

23	2.002072.00 0.00.00.H21	Thông báo lập địa điểm kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	
24	2.002045.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh				
25	1.005176.00 0.00.00.H21	Đăng ký thành lập, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo, chấm dứt hoạt động đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trên Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do Cơ quan đăng ký đầu tư cấp đối với chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh cùng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
26	1.010026.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài, thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi thông tin người đại diện theo ủy quyền			- Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	

27	2.002085.00 0.00.00.H21	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
28	2.002083.00 0.00.00.H21	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở tách công ty				
29	2.002059.00 0.00.00.H21	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				
30	2.002060.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh)				
31	2.002057.00 0.00.00.H21	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần)	Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
32	2.002034.00 0.00.00.H21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại				
33	2.002032.00 0.00.00.H21	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			

34	2.002033.00 0.00.00.H21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
35	1.010027.00 0.00.00.H21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên				
36	2.002018.00 0.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	
37	2.002017.00 0.00.00.H21	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế				
38	2.002029.00 0.00.00.H21	Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo (doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh)			- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần, đăng ký tạm ngừng kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC); - Doanh nghiệp thực hiện	

					đăng ký doanh nghiệp qua mạng điện tử được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC);	
39	2.002015.00 0.00.00.H21	Cập nhật bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp	Không quy định	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần đối với trường hợp Phòng Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí trong các trường hợp: không làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp quy định tại các điều từ Điều 56 đến Điều 60 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; cập nhật, bổ sung thông tin về số điện thoại, số fax, thư điện tử, website, địa chỉ của doanh nghiệp do thay đổi về địa giới hành chính.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

40	2.002023.00 0.00.00.H21	Giải thể doanh nghiệp	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo về việc giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh phải đăng tải các giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều 70 Nghị định số 01/2021/NĐ-CP và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể của doanh nghiệp cho Cơ quan thuế. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
----	----------------------------	-----------------------	---	---	--	---

			doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.			
41	2.002022.00 0.00.00.H21	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án	- Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc nhận được quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, Phòng Đăng ký kinh doanh đăng tải quyết định và thông báo tình trạng doanh nghiệp đang làm thủ tục giải thể trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, chuyển tình	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

			trạng của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đang làm thủ tục giải thể và gửi thông tin về việc giải thể doanh nghiệp cho Cơ quan thuế, trừ trường hợp doanh nghiệp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp để thực hiện biện pháp cưỡng chế theo đề nghị của Cơ quan quản lý thuế. - Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh chuyển tình trạng pháp lý của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp sang tình trạng đã giải thể nếu không nhận được ý kiến từ chối			
--	--	--	---	--	--	--

			của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc giải thể của doanh nghiệp.			
42	2.002020.00 0.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin của Phòng Đăng ký kinh doanh, Cơ quan thuế gửi ý kiến về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đến Phòng đăng ký kinh doanh. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh, Phòng Đăng ký kinh doanh thực hiện chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp nếu không nhận được ý	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.

			kiến từ chối của Cơ quan thuế, đồng thời ra thông báo về việc chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh Phòng Đăng ký kinh doanh cập nhật thông tin của doanh nghiệp trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo đối với trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài			
43	2.002016.00 0.00.00.H21	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử	Miễn lệ phí	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-

				theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).		BKHĐT.
44	2.000368.00 0.00.00.H21	Chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Nộp hồ sơ qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công (Quầy số 14 Sở Kế hoạch và Đầu tư) Địa chỉ: 69 Hùng Vương, TP.Pleiku, Gia Lai hoặc nộp hồ sơ qua mạng điện tử theo quy trình trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (https://dangkykinhdanh.gov.vn).	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
45	2.000416.00 0.00.00.H21	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội				
46	2.000375.00 0.00.00.H21	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội				
47	1.010029.00 0.00.00.H21	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp				
48	1.010030.00 0.00.00.H21	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong trường hợp không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và có thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh				
49	1.010031.00 0.00.00.H21	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hoạt động chi nhánh đối với các doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán				

Lưu ý: Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp có thể được nộp trực tiếp tại Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc chuyển vào tài khoản của Phòng Đăng ký kinh doanh hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BÃI BỎ

STT	Mã số TTHC	Tên TTHC	Văn bản QPPL quy định việc bãi bỏ, hủy bỏ và hủy công khai	Ghi chú
1. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP				
1	1.005168.000.00.00.H21	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bỏ TTHC về Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp
2	2.002067.000.00.00.H21	Thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
3	1.005158.000.00.00.H21	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
4	2.002066.000.00.00.H21	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC

5	1.005165.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
6	2.002063.000.00.00.H21	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
7	2.002061.000.00.00.H21	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
8	1.005156.000.00.00.H21	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
9	1.005154.000.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
10	1.005146.000.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
11	1.005145.000.00.00.H21	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC

12	2.002007.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
13	1.005111.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
14	2.002006.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
15	1.005104.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
16	2.002002.000.00.00.H21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
17	1.005096.000.00.00.H21	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC

18	2.002079.000.00.00.H21	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
19	2.002084.000.00.00.H21	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương)	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC
2. LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP XÃ HỘI				
20	2.001187.000.00.00.H21	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành doanh nghiệp xã hội	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.	Bãi bỏ TTHC

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA
UBND CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ**

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện/Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
TTHC đã được công bố tại Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 19/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.						
1	1.001612.000. 00.00.H21	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố	100.000 đồng/ lần	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT- BKHT.
2	2.00072.000.0 0.00.H210	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	- Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện phải thông báo bằng văn bản cho người nộp hồ sơ hoặc người thành lập hộ kinh doanh. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện nơi hộ kinh doanh đặt địa chỉ mới phải thông báo đến Cơ quan đăng ký kinh doanh nơi trước đây hộ kinh doanh đã đăng ký.		20.000 đồng/ lần	
3	1.001570.000. 00.00.H21	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		Không có	

4	1.001266.000.00.00.H21	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận Một cửa của UBND các huyện, thị xã, thành phố	Không có	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14; - Nghị định số 01/2021/NĐ-CP; - Thông tư số 85/2019/TT-BTC; - Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT.
5	2.000575.000.00.00.H21	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh		100.000 đồng/ lần	

PHỤ LỤC II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT TTHC LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Gia Lai)

TT	Các bước	Trình tự thực hiện	Bộ phận, cán bộ công chức, viên chức giải quyết hồ sơ	Thời gian tiếp nhận và giải quyết hồ sơ	Cơ quan phối hợp (nếu có)	Trình các cấp có thẩm quyền cao hơn (nếu có)	Mô tả quy trình
I- LĨNH VỰC THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP							
1. Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp							
1.1. Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC; Thông qua dịch vụ BCCI)							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC tỉnh; Qua dịch vụ BCCI	½ ngày	Bưu điện tỉnh, các đơn vị Bưu chính		(1) Nhân viên bưu điện hoặc các đơn vị bưu chính tiếp nhận và chuyển hồ sơ về Phòng Đăng ký kinh doanh.
2	Bước 2	Chủ trì phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày	Cục thuế tỉnh		(2) Phòng Đăng lý kinh doanh chủ trì điều phối thụ lý hồ sơ.
		Thụ lý hồ sơ trình phê duyệt	Công chức Phòng Đăng ký kinh doanh				(3) Trình lãnh đạo Phòng ký duyệt và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa cấp tỉnh.
3	Bước 3	Ký duyệt	Lãnh đạo Đăng ký kinh doanh	½ ngày			(4) Giao cho Bộ phận trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân
4	Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC tỉnh (Bộ phận một cửa về đăng ký doanh nghiệp)	½ ngày	Bưu điện tỉnh		

Tổng cộng				2,5 ngày (so với quy định 03 ngày)			
1.2. Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp (nộp hồ sơ qua mạng – online)							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH&ĐT	0 giờ			(1) Hồ sơ nộp đăng ký qua mạng (online) đến trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh; (2) Phòng Đăng lý kinh doanh chủ trì điều phối thẩm định hồ sơ. (3) Trình lãnh đạo phê duyệt chấp thuận hồ sơ và thông báo qua mạng (online) cho tổ chức, cá nhân. (4) Giao cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ Giấy so với hồ sơ đăng ký qua mạng (online); Trình lãnh đạo Phòng ký duyệt và chuyển kết quả cho tổ chức, cá nhân
2	Bước 2	Chủ trì phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày			
		Thụ lý hồ sơ trình phê duyệt	Công chức Phòng Đăng ký kinh doanh				
3	Bước 3	Phê duyệt chấp thuận hồ sơ	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	½ ngày			
4	Bước 4	trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH&ĐT Kiểm tra hồ sơ nộp qua mạng (online), trình lãnh đạo ký duyệt và trả kết quả	½ ngày			
Tổng cộng				2 ngày (so với quy định 03 ngày)			
2. Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp							
2.1. Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp (nộp hồ sơ trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC; Thông qua dịch vụ BCCI)							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC tỉnh; Qua dịch vụ BCCI	½ ngày	Bưu điện tỉnh, các đơn vị Bưu		(1) Nhân viên bưu điện hoặc các đơn vị bưu chính tiếp nhận và chuyển hồ sơ về Phòng Đăng ký

					chính		kinh doanh.
2	Bước 2	Chủ trì phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày	Cục thuế tỉnh		(2) Phòng Đăng lý kinh doanh chủ trì điều phối thụ lý hồ sơ.
		Thụ lý hồ sơ trình phê duyệt	Công chức Phòng Đăng ký kinh doanh				(3) Trình lãnh đạo Phòng ký duyệt và chuyển kết quả cho Bộ phận một cửa cấp tỉnh.
3	Bước 3	Ký duyệt	Lãnh đạo Đăng ký kinh doanh	½ ngày			(4) Giao cho Bộ phận trả kết quả để trả kết quả cho tổ chức, cá nhân
4	Bước 4	Trả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại TTPVHCC tỉnh (Bộ phận một cửa về đăng ký doanh nghiệp)	½ ngày	Bưu điện tỉnh		
Tổng cộng				2,5 ngày (so với quy định 03 ngày)			
2.2. Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp (nộp hồ sơ qua mạng – online)							
1	Bước 1	Tiếp nhận hồ sơ	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH&ĐT	0 giờ			(1) Hồ sơ nộp đăng ký qua mạng (online) đến trực tiếp Phòng Đăng ký kinh doanh;
2	Bước 2	Chủ trì phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Đăng ký kinh doanh	1 ngày			(2) Phòng Đăng lý kinh doanh chủ trì điều phối thẩm định hồ sơ.
		Thụ lý hồ sơ trình phê duyệt	Công chức Phòng Đăng ký kinh doanh				(3) Trình lãnh đạo phê duyệt chấp thuận hồ sơ và thông báo qua mạng (online) cho tổ chức, cá nhân.
3	Bước 3	Phê duyệt chấp thuận hồ sơ	Lãnh đạo phòng Đăng ký kinh doanh	½ ngày			(4) Giao cho Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra hồ sơ Giấy so với hồ sơ đăng ký qua mạng (online); Trình lãnh đạo Phòng ký duyệt và chuyển kết quả cho tổ chức, cá nhân
4	Bước 4	Quả kết quả	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở KH&ĐT Kiểm tra hồ sơ nộp qua mạng (online), trình lãnh đạo ký duyệt và trả kết quả	½ ngày			
Tổng cộng				2 ngày (so với quy định 03 ngày)			